

PHƯƠNG TRÌNH TIẾP TUYẾN

- Bài 1.** Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số $y = \frac{4}{x-1}$ tại điểm có hoành độ bằng -1 .
- A. $y = -x - 3$. B. $y = -x + 2$. C. $y = x - 1$. D. $y = x + 2$.
- Bài 2.** Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số $y = -x^2 + 5$ tại điểm có tung độ bằng -1 và hoành độ âm.
- A. $y = 2\sqrt{6}(x + \sqrt{6}) - 1$. B. $y = -2\sqrt{6}(x + \sqrt{6}) - 1$.
C. $y = 2\sqrt{6}(x - \sqrt{6}) + 1$. D. $y = 2\sqrt{6}(x - \sqrt{6}) - 1$.
- Bài 3.** Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số $y = x^3$, biết tiếp tuyến có hệ số góc bằng 12 .
- A. $y = 12x \pm 16$. B. $y = 12x \pm 8$. C. $y = 12x \pm 2$. D. $y = 12x \pm 4$.
- Bài 4.** Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số $y = x^3 - 6x^2 + 9x$, biết tiếp tuyến song song với đường thẳng $d: y = 9x - 5$.
- A. $y = 9x + 40$. B. $y = 9x - 40$. C. $y = 9x + 32$. D. $y = 9x - 32$.
- Bài 5.** Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số $y = x^4 + x$, biết tiếp tuyến vuông góc với đường thẳng $d: x + 5y - 4 = 0$.
- A. $y = 5x - 3$. B. $y = 3x - 5$. C. $y = 2x - 3$. D. $y = 5x + 7$.
- Bài 6.** Cho hàm số $y = 2x^3 + 3x^2 - 4x + 5$ có đồ thị là (C) . Trong số các tiếp tuyến của (C) , có một tiếp tuyến có hệ số góc nhỏ nhất. Hệ số góc của tiếp tuyến này bằng
- A. $-3,5$. B. $-5,5$. C. $-7,5$. D. $-9,5$.
- Bài 7.** Gọi d là tiếp tuyến có hệ số góc nhỏ nhất của đồ thị hàm số $y = \frac{2}{3}x^3 - 4x^2 + 9x - 11$. Hỏi đường thẳng d đi qua điểm nào dưới đây?
- A. $M\left(-5; \frac{2}{3}\right)$. B. $P\left(5; -\frac{2}{3}\right)$. C. $N\left(2; -\frac{5}{3}\right)$. D. $Q\left(-2; \frac{5}{3}\right)$.
- Bài 8.** Tiếp tuyến của đồ thị hàm số $y = \frac{2x-3}{2x+1}$ tại điểm có hoành độ $x_0 = -1$ cắt trục hoành, trục tung tại hai điểm A, B . Tính diện tích tam giác OAB .
- A. $\frac{25}{16}$. B. $\frac{25}{13}$. C. $\frac{169}{16}$. D. $\frac{15}{8}$.